

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 7 - 2019

*“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tuyết Dung và ông Ngô Văn Nghị.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đoàn Nhữ Thật - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1980; (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Tr, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.

- Bị đơn: Anh Lê Văn T1, sinh năm 1975; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Tr, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Trong đơn khởi kiện (đơn yêu cầu ly hôn), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Th trình bày:** Chị và anh Lê Văn T1 tự nguyện quen biết được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào ngày 25/02/2011.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Lê Văn T1 thường uống rượu say xỉn, đánh đập vợ con, bạo lực gia đình. Chị đã cố gắng bỏ qua nhiều đề chung sống nhưng không được. Vợ chồng anh chị đã cắt đứt quan hệ, sống ly thân từ tháng 12/2017 cho đến nay. Nay chị nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau nữa, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn T1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thảo N, sinh ngày 10/8/2004 và Lê Nguyên T2 sinh ngày 20/7/2009, các con khi nay ở với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung đến trưởng thành, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

**Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn T1 trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất như lời trình bày của chị Nguyễn Thị Th điều kiện kết hôn và thời gian đăng ký kết hôn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn. Anh thừa nhận trong quá trình chung sống, anh thường hay uống rượu say xỉn và đánh đập vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2017 cho đến nay. Anh nhận thấy mình sai nên mong chị Th bỏ qua những lỗi lầm của anh, cho anh một cơ hội để vợ chồng đoàn tụ, chăm sóc các con chung, nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thảo N, sinh ngày 10/8/2004 và Lê Nguyên T2 sinh ngày 20/7/2009, các con khi nay ở với chị Th. Khi ly hôn anh đồng ý để hai con chung cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

*Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật; việc chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Áp dụng các Điều 8, 9, 56, 58, 71, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th, cho chị Th được ly hôn với anh T1, bác yêu cầu xin đoàn tụ của anh T1; giao hai con chung Nguyễn Thảo N1, sinh ngày 10/8/2004 và Lê Nguyên T2 sinh ngày 20/7/2009 cho chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con (chị Th không yêu cầu); án phí giải quyết theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

\* **Về tố tụng:** Tại phiên tòa bị đơn anh Lê Văn T1 vắng mặt không rõ lý do (mặc dù đã được triệu tập hợp lệ 02 lần) nên căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

\* **Về nội dung vụ án:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Lê Văn T1 tự nguyện tìm hiểu có tình cảm với nhau, được sự đồng ý của gia đình hai bên đã tiến hành tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thuận vào ngày 25/02/2011 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Lê Văn T1 thường hay say xỉn, đánh đập vợ con, có hành vi bạo lực gia đình. Chị Th và anh T1 đều thừa nhận đã sống ly thân từ tháng 12/2017 cho đến nay. Như vậy có căn xác xách định hôn nhân trên thực tế không còn tồn tại; do đó, chị Th yêu cầu Tòa giải quyết cho chị ly hôn với anh T1 vì nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Anh T1 không đồng ý ly hôn nhưng quá trình chung sống anh không sửa đổi lỗi lầm và làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể khắc phục được; chị Th không đồng ý việc anh yêu cầu được đoàn tụ. Xét yêu cầu của anh T1 không phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thảo N, sinh ngày 10/8/2004 và Lê Nguyên T2 sinh ngày 20/7/2009, các con khi nay ở với chị Th. Hai con chung N và T2 đều có nguyện vọng được ở với chị Nguyễn Thị Th; nguyện vọng của các con chung N, T2 là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với yêu cầu nguyện vọng của chị Th, anh T1; nên khi ly hôn cần giao hai con chung Nguyễn Thảo N và Lê Nguyên T2 cho chị Th tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành. Anh Lê Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Th không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên miễn xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì chị Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0009330 ngày 25/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; chị Th đã nộp đủ án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 147, Điều 273, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 8, 9, 56, 58, 71, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ;

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th, tuyên xử:**

- **Về hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Lê Văn T1.

Bác yêu cầu không đồng ý ly hôn của anh T1 vì chị Th không đồng ý và không phù hợp với quy định pháp luật.

- **Về con chung:** Khi ly hôn, giao hai con chung tên Nguyễn Thảo N, sinh ngày 10/8/2004 và Lê Nguyên T2 sinh ngày 20/7/2009 cho chị Nguyễn Thị Th tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành. Anh Lê Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Th không yêu cầu.

Anh T1 không trực tiếp nuôi con nhưng anh vẫn có quyền thăm nom, giúp đỡ con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Không yêu cầu Tòa giải quyết trong vụ án này nên miễn xét.

**2. Về án phí ly hôn sơ thẩm:** Chị Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0009330 ngày 25/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; chị Th đã nộp đủ án phí.

**3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.** Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết tại UBND cấp xã - nơi cư trú.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- UBND xã Tây Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Giang Nam**